

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**V/v “yêu cầu xác định cha cho con”**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

*Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Huỳnh Thị Thanh Như

Thư ký phiên họp: Bà Bùi Thị Hoa Hạ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre: Ông Phan Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 304/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc “yêu cầu xác định cha cho con” theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên họp giải quyết việc dân sự số 54/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Bà Bùi Thị Thu T, sinh năm 1966; Địa chỉ: A ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1957; Địa chỉ: B khu phố B, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1961; Địa chỉ: A khu phố E, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1963; Địa chỉ: A ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thu T3, sinh năm 1973; Địa chỉ: A ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thu Q, sinh năm 1975; Địa chỉ: A ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

(Bà T4 có mặt; ông T1, ông T2, bà H, bà T3 và bà Q)

vắng mặt)

### **NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

*Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự cũng như tại phiên họp bà Bùi Thị Thu T là người yêu cầu giải quyết việc dân sự trình bày:*

Cha đẻ của bà là cụ ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1935, thường trú: 1 L, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (đã chết ngày 09/02/2022) và mẹ đẻ của bà là cụ bà Bùi Thị N, sinh năm 1935, thường trú: 109C ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (đã chết ngày 03/8/2016). Cụ B và cụ N sống chung với nhau và đăng ký kết hôn vào năm 1956 theo tờ "Hôn thú bậc nhứt số hiệu 167". Cụ B và cụ N có 08 người con, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1957;
- Ông Nguyễn Hồng T5, sinh năm 1959 (đã chết năm 1987);
- Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1961;
- Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1963;
- Bà Bùi Thị Thu T, sinh năm 1966;
- Ông Nguyễn Minh T6, sinh năm 1970 (đã chết năm 2015);
- Bà Nguyễn Thu T3, sinh năm 1973;
- Bà Nguyễn Thu Q, sinh năm 1975;

Tại thời điểm làm giấy khai sinh cho bà T4, giữa cụ B và cụ N có mâu thuẫn nên khi làm giấy khai sinh cho bà T4 thì cụ N chỉ để họ tên người mẹ là Bùi Thị N, không để họ tên người cha. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà, nay bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết: xác định ông Nguyễn Văn B là cha đẻ của bà T4. Bà T4 không còn yêu cầu nào khác.

*Theo các lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thu T3 và bà Nguyễn Thu Q trình bày:*

Ông T1, ông T2, bà H, bà T3 và bà Q thống nhất lời trình bày nêu trên của bà Bùi Thị T7 T. Cha mẹ của ông bà là cụ ông Nguyễn Văn B và cụ bà Bùi Thị N. Lý do bà T4 mang họ "Bùi" là do khi cụ N sinh bà T4 thì giữa cụ B và cụ N có mâu thuẫn nên cụ N khai sinh bà T4 là họ "Bùi", lấy theo họ mẹ và không để họ tên cha. Ông bà đều biết bà T4 là con đẻ của cụ B và cụ N. Nay, ông bà đồng ý công nhận bà T4 là con đẻ của cụ B. Ông bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Do bận công việc, ông T1, ông T2, ông T6, bà T3 và bà Q đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết việc dân sự.

*Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ việc đến khi mở phiên họp đều theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre căn cứ Điều 88, khoản 2 Điều 101 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự: chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Thu T, xác định ông Nguyễn Văn B là cha của bà Bùi Thị T7 T.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, ý kiến của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Bà Bùi Thị Thu T có đơn yêu cầu xác định ông Nguyễn Văn B là cha của bà T4. Căn cứ khoản 10 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét đây là yêu cầu về hôn nhân và gia đình về xác định cha cho con.

Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1935, đã chết vào ngày 09/02/2022 (BL15), đối chiếu khoản 2 Điều 101 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu xác định cha cho con của bà T4 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu này không có đương sự ở nước ngoài, vì vậy việc giải quyết yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Người yêu cầu bà Bùi Thị T7 T cư trú tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre, đối chiếu điểm t khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc giải quyết yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thu T3, bà Nguyễn Thu Q có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt (BL 91, 92); bà Nguyễn Thị Thu H đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt ông T1, ông T2, bà T3, bà Q và bà H là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu của bà Bùi Thị Thu T về việc xác định ông Nguyễn Văn B là cha của bà T4:

Theo Tờ "Hôn thú bậc nhứt, số hiệu 167" vào năm 1956 thể hiện cụ Nguyễn Văn B và cụ Bùi Thị N đã đăng ký kết hôn (BL22). Căn cứ các điều 4, 6, 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959 thấy rằng hôn nhân giữa cụ B và cụ N là hoàn toàn tự nguyện, đã tuân thủ đúng theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Theo các giấy khai sinh trong hồ sơ thấy rằng: ông Nguyễn Văn T1 sinh

năm 1957, ông Nguyễn Văn T2 sinh năm 1961, bà Nguyễn Thu T3 sinh năm 1973, bà Nguyễn Thu Q sinh năm 1975, các giấy khai sinh đều thể hiện các ông bà nêu trên có cha là "Nguyễn Văn B" và mẹ là "Bùi Thị N". Đối chiếu giấy khai sinh của bà T4 thể hiện bà T4 sinh năm 1966 (BL19), như vậy có cơ sở xác định bà T4 là được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của cụ B và cụ N. Đồng thời, quá trình giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1, ông T2, bà H, bà T3 và bà Q đều trình bày khi cụ N sinh ra bà T4 thì giữa cụ B và cụ N có mâu thuẫn nên cụ N khai sinh bà T4 lấy họ "Bùi", lấy theo họ mẹ và không để họ tên cha, các ông bà đều thống nhất bà T4 là con đẻ của cụ B và cụ N. Bên cạnh đó, tại văn bản số 242/CATP ngày 17/4/2023, Công an thành phố B cung cấp thông tin trong hồ sơ lưu trữ có bản tự khai của bà T4 vào năm 1988 có ghi cha là Nguyễn Văn B, mẹ là Bùi Thị N và tại văn bản số 345/UBND-TP ngày 25/7/2023, Ủy ban nhân dân xã M, thành phố B cung cấp thông tin theo lý lịch cán bộ công chức do bà Bùi Thị T7 T khai vào ngày 01/8/2016, được thông qua Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M ký, xác nhận ngày 01/8/2016 có phần khai về người cha là ông Nguyễn Văn B, nghề nghiệp buôn bán tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Từ các chứng cứ nêu trên, thấy rằng bà T4 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của cụ B và cụ N, các người con trong thời kỳ hôn nhân của cụ B và cụ N là ông T1, ông T2, bà H, bà T3 và bà Q đều trình bày thống nhất bà T4 là con cụ B và trong tất cả các lời khai về lý lịch của bà T4 từ năm 1988 đến nay, bà T4 đều khai cha của bà là ông Nguyễn Văn B. Từ các phân tích trên, đối chiếu Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ kết luận cụ Nguyễn Văn B là cha của bà Bùi Thị T7 T. Do đó, yêu cầu xác định cha cho con của bà T4 là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Bà T4, ông T1, ông T2, bà H, bà T3 và bà Q không còn yêu cầu nào khác nên không xem xét.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, bà T4 phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật với số tiền 300.000 đồng.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Các điều 88, 90, 101, 102 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Các điều 29, 35, 367, 368, 369, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q1.

1. Chấp nhận "Yêu cầu xác định cha cho con" của bà Bùi Thị Thu T, cụ thể như sau:

Công nhận ông Nguyễn Văn B (sinh năm 1935 - chết năm 2022), chứng minh nhân dân số 310064572, nơi thường trú trước khi chết: 1 L, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là cha của bà Bùi Thị Thu T, sinh năm 1966, căn cước công dân số 083166000418, nơi thường trú: 109C1 ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Bùi Thị Thu T phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0009876 ngày 05/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (đã nộp xong).

3. Bà Bùi Thị Thu T có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thu T3 và bà Nguyễn Thu Q có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre; (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (1b);
- Các đương sự (6b);
- Lưu hồ sơ; VP (4b).

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(đã ký, đóng dấu)

**Huỳnh Thị Thanh Như**